

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Dược học**; Chuyên ngành: **Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MINH QUÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 17/02/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 104/20 Hồ Biểu Chánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Công Nghệ Dược Phẩm, Trường Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Số 41 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0938 76 86 46; E-mail: leminhquan@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ 1/2008 đến nay: Giảng viên bộ môn Công Nghiệp Dược (từ tháng 1/2024 đổi tên thành bộ môn Công Nghệ Dược Phẩm), Trường Dược, Đại học Y Dược TPHCM

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn Công Nghệ Dược Phẩm, Đảng ủy viên Đảng bộ Bộ phận
Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn, Đảng ủy viên Đảng bộ Bộ phận.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Điện thoại cơ quan: 028 3855 2225

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không có

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 10 năm 2007; số văn bằng: A0104901; ngành: Dược; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 04 năm 2012; số văn bằng: A021866; ngành: Dược học; chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 03 năm 2018; số văn bằng: Angers 13434416 ngành: Dược học thực nghiệm và lâm sàng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Angers, Cộng hòa Pháp. Đã được Cục quản lý chất lượng (thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo) công nhận văn bằng và vào sổ theo số 018600/CNVB-TS ngày 11 tháng 03 năm 2021
- Được cấp bằng TSKH: không có

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa được bổ nhiệm

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Gồm 03 hướng nghiên cứu chủ yếu

- ✓ Nghiên cứu và tối ưu hóa quy trình công nghệ sản xuất dược phẩm phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất thuốc trong nước;
- ✓ Nghiên cứu phát triển các hệ thống phân phối thuốc hiện đại dựa trên polymer cho mục tiêu giải phóng dược chất có kiểm soát;
- ✓ Nghiên cứu phát triển các chế phẩm chứa cao chiết dược liệu, kết hợp đánh giá hoạt tính sinh học (*in vitro*, *in vivo*) để định hướng ứng dụng triển khai trong sản xuất.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 00 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 12 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS (trong đó có 08 hướng dẫn chính, và 04 hướng dẫn phụ); 02 học viên cao học bảo vệ thành công đề án ThS (trong đó có 02 hướng dẫn chính).
- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó:
 - ✓ 04 đề tài NCKH cấp thành phố (03 đề tài là chủ nhiệm và 01 đề tài là thành viên);
 - ✓ 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (là chủ nhiệm).
- Đã công bố 52 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản là 03 sách giáo trình đào tạo đại học hoặc sau đại học (02 là đồng chủ biên, và 01 là thành viên nhóm tác giả biên soạn), trong đó 03 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu thi đua:

- ✓ Năm 2007: Danh hiệu sinh viên 3 tốt cấp thành phố cho Lê Minh Quân. Danh hiệu do Hội sinh viên TP HCM trao tặng.
- ✓ Năm học 2019-2020: Chiến sĩ thi đua cơ sở (Quyết định số 4051/QĐ-ĐHYD ngày 22/10/2020, Đại học Y Dược TP HCM)
- ✓ Năm học 2020-2021: Chiến sĩ thi đua cơ sở (Quyết định số 111/QĐ-ĐHYD ngày 19 tháng 1 năm 2022, Đại học Y Dược TP HCM)
- ✓ Năm học 2022-2023: Chiến sĩ thi đua cơ sở (Quyết định số 5050/QĐ-ĐHYD ngày 24 tháng 10 năm 2023, Đại học Y Dược TP HCM)
- ✓ Năm học 2023-2024: Chiến sĩ thi đua cơ sở (Quyết định số 451/QĐ-ĐHYD ngày 10 tháng 02 năm 2025, Đại học Y Dược TP HCM)

- Hình thức khen thưởng:

- ✓ Năm 2001: Bằng khen cho đ/c Lê Minh Quân - Bí thư đoàn trường Phổ thông Năng Khiếu, Đại học Khoa Học Tự Nhiên, vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào sinh viên - học sinh chuyên nghiệp năm học 2000 - 2001. Bằng khen do BCH Thành Đoàn TP HCM trao tặng.
- ✓ Năm 2014: Bằng khen cho ông Lê Minh Quân, bộ môn Công Nghiệp Dược, Khoa Dược, Đại học Y Dược TP HCM, vì đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2012 - 2013. Bằng khen do Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng.
- ✓ Năm 2015: Giấy khen cho ông Lê Minh Quân, bộ môn Công Nghiệp Dược, Khoa Dược, vì đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TP HCM từ 2012 - 2014. Giấy khen do ĐHYD TP HCM trao tặng.
- ✓ Năm 2022: Bằng khen cho ông Lê Minh Quân, giảng viên chính - phó trưởng bộ môn Công Nghiệp Dược, Khoa Dược, Đại học Y Dược TP HCM, vì đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2020 - 2021. Bằng khen do Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục:

- ✓ Phẩm chất đạo đức: Có đạo đức tốt, yêu nghề, tôn trọng người học và đồng nghiệp;

- ✓ Trình độ đào tạo: Đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - ✓ Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;
 - ✓ Sức khỏe và lý lịch: Đủ sức khỏe và lý lịch rõ ràng theo quy định pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn người học, bồi dưỡng chuyên môn và tham gia công tác chuyên môn theo quy định, bảo đảm chất lượng:
- ✓ Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, nghiêm túc và bảo đảm chất lượng;
 - ✓ Thực hiện nghiên cứu khoa học gắn với chuyên môn giảng dạy; công bố kết quả nghiên cứu theo quy định;
 - ✓ Hướng dẫn người học trong học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành nghề nghiệp và phát triển kỹ năng chuyên môn;
 - ✓ Tích cực bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm;
 - ✓ Tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, công tác học thuật và các nhiệm vụ do cơ sở giáo dục phân công;
 - ✓ Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, chấp hành pháp luật và quy định của cơ sở giáo dục đại học;
 - ✓ Giữ gìn phẩm chất đạo đức, uy tín và danh dự của nhà giáo;
 - ✓ Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học;
 - ✓ Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ; đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;
 - ✓ Hợp tác với đồng nghiệp; trung thực, khách quan trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 14 năm tham gia đào tạo (không tính thời gian 03 năm học theo nghiên cứu sinh ở nước ngoài).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/Số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	00	00	00	02 ĐH	408	00	408/ 622/ 189
2	2018-2019	00	00	00	02 ĐH	266,4	72	338,4/ 590/ 250
3	2019-2020	00	00	02 ThS	03 ĐH	512,3	55,5	567,8/ 671/ 229,5
4	2020-2021	00	00	03 ThS	03 ĐH	283,8	46,5	330,3/ 533,6/ 229,5

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/Số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/Số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
5	2021-2022	00	00	01 ThS [#]	03 ĐH	308	141	449/ 644/ 229,5
03 năm học cuối								
6	2022-2023	00	00	04 ThS	02 ĐH	139	109	248/ 631/ 233,8
7	2023-2024	00	00	04 ThS	03 ĐH	149,5	105,75	255,25/ 572,25/ 222,8
8	2024-2025	00	00	04 ThS ^{**}	04 ĐH	241,5	75	316,5/ 465,5/ 220

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(**) Đang hướng dẫn, dự kiến bảo vệ luận văn/đề án vào tháng 9/2025

(#) Tốt nghiệp vào năm học 2022-2023

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Pháp; năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Thị Kim Phụng	-	HVCH	☒	-	2018 - 2020	Đại học Y Dược TPHCM	31/12/2020
2	Hoàng Thị Thu Huyền	-	HVCH	☒	-	2018 - 2020	Đại học Y Dược TPHCM	31/12/2020
3	Lê Thị Diễm Phúc	-	HVCH	☒	-	2019 - 2021	Đại học Y Dược TPHCM	09/06/2022
4	Trần Thanh Hải	-	HVCH	☒	-	2019 - 2021	Đại học Y Dược TPHCM	09/06/2022
5	Trần Vĩnh Nguyên	-	HVCH	-	☒	2019 - 2021	Đại học Y Dược TPHCM	09/06/2022

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BSNT	Chính	Phụ			
6	Nguyễn Trần Hưng Yên	-	HVCH	☒	-	2020 - 2022	Đại học Y Dược TPHCM	25/12/2023
7	Đàng Ngọc Lam Bình	-	HVCH	-	☒	2021 - 2023	Đại học Y Dược TPHCM	25/12/2023
8	Nguyễn Hoàng Vinh	-	HVCH	☒	-	2021 - 2023	Đại học Y Dược TPHCM	25/12/2023
9	Đinh Trường Sơn	-	HVCH	-	☒	2021 - 2023	Đại học Y Dược TPHCM	25/12/2023
10	Phan Anh Tú	-	HVCH	-	☒	2021 - 2023	Đại học Y Dược TPHCM	25/12/2023
11	Đỗ Hoàng Hân	-	HVCH	☒	-	2022 - 2024	Đại học Y Dược TPHCM	12/11/2024
12	Bùi Thị Phương Thúy	-	HVCH	☒	-	2022 - 2024	Đại học Y Dược TPHCM	12/11/2024
13	Lê Thị Phương Uyên	-	HVCH	☒	-	2022 - 2024	Đại học Y Dược TPHCM	12/11/2024
14	Tô Thị Thu Thảo	-	HVCH	☒	-	2022 - 2024	Đại học Y Dược TPHCM	12/11/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I <i>Trước khi được công nhận PGS/TS</i>							
-	-	-	-	-	-	-	-
II <i>Sau khi được công nhận PGS/TS</i>							
1	Thực hành Công Nghiệp Dược (GT đại học)	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2020 (tái bản lần 1 năm 2022)	5	Đồng chủ biên	Biên soạn từ trang 11-54, 55-95, 104-130, 131- 164	Quyết định lựa chọn và sử dụng giáo trình Thực hành Công nghiệp Dược số 792/QĐ-ĐHYD, ngày 05/05/2020 của hiệu trưởng Đại học Y Dược TPHCM
2	Thử nghiệm hòa tan trong nghiên cứu phát triển và sản xuất dược phẩm (GT sau đại học)	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2021	4	Tham gia biên soạn	Biên soạn từ trang 151- 166, 231-238	Quyết định lựa chọn và sử dụng giáo trình giảng dạy sau đại học số 482/QĐ- ĐHYD, ngày 15/03/2021 của hiệu trưởng Đại học Y Dược TPHCM
3	Công Nghiệp Dược (GT đại học)	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2025	5	Đồng chủ biên	Biên soạn từ trang 35-120, 121-220, 221- 270	Quyết định lựa chọn và sử dụng giáo trình số 1802/QĐ-ĐHYD, ngày 05/05/2025 của hiệu trưởng Đại học Y Dược TPHCM

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 00

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
I <i>Trước khi được công nhận PGS/TS</i>					
1	ĐT: Nghiên cứu ảnh hưởng của tá dược dập thẳng trong quá trình nén dập	CN	Số 277/HĐ-SKHCHN (ngày 9/12/2009) Cấp thành phố Sở KH và CN TPHCM	12/2009 - 5/2012	23/05/2012 Kết quả xếp loại: Khá
2	ĐT: Xây dựng quy trình sản xuất trà hòa tan từ lá Chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i>)	CN	Số 31/QĐ-SKHCHN (ngày 19/06/2013) Số 84/2013/HĐ-SKHCHN (ngày 05/07/2013) Cấp thành phố Sở KH và CN TPHCM	7/2013 - 12/2015	31/12/2015 Kết quả xếp loại: Khá
II <i>Sau khi được công nhận PGS/TS</i>					
3	ĐT: Nghiên cứu điều chế các dạng chế phẩm từ cây Lan Kim Tuyền (<i>Anoetochillus formosanus</i> Hayata.)	CN	Số 1133/QĐ-SKHCHN (ngày 19/10/2018) Số 11/2018/HĐ-QKHCHN (ngày 19/11/2018) Cấp thành phố Sở KH và CN TPHCM	11/2018 - 11/2020	30/11/2020 Kết quả xếp loại: Đạt
4	ĐT: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đặc tính microsphere ethylcellulose điều chế bằng phương pháp tách loại dung môi	CN	Số 4104/QĐ-ĐHYD (ngày 18/09/2019) Số 37/2019/HĐ-NCKH ngày 18/11/2019 Cấp cơ sở Đại học Y Dược TPHCM	11/2019 - 12/2021	25/07/2022 Kết quả xếp loại: Đạt
5	ĐT: Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm muối thảo dược ngâm chân của muối sản xuất tại Cần Giờ	TV*	Số 713/QĐ-SKHCHN (ngày 10/7/2020) Số 52/2020/HĐ-QPTKHCHN (ngày 17/7/2020) Cấp thành phố Sở KH và CN TPHCM	07/2020 - 12/2021	30/12/2021 Kết quả xếp loại: Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký;

*TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học Quốc tế							
1	Development of prilling process for biodegradable microspheres through experimental designs	6		International Journal of Pharmaceutics (Print ISSN: 0378-5173; Online ISSN: 1873-3476)	SCIE (Q1, IF = 5.2)	7	498 (1-2), 96-109	02/2016 (DOI: 10.1016/j.ij pharm.2015. 11.051)
2	Penta-block copolymer microspheres: Impact of polymer characteristics and process parameters on protein release	5	TGĐĐ	International Journal of Pharmaceutics (Print ISSN: 0378-5173; Online ISSN: 1873-3476)	SCIE (Q1, IF = 5.2)	11	535 (1-2), 428-437	01/2018 (DOI: 10.1016/j.ij pharm.2017. 11.033)
	Bài báo khoa học trong nước							
3	Nghiên cứu điều chế viên nén clarithromycin 250 mg	3	TGĐĐ	Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			15(1), 372-377	01/2011
4	Nghiên cứu động học của quá trình nén dập trên hỗn hợp hai thành phần	2	TGĐĐ TGLL	Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			16(1), 278-284	01/2012
5	Nghiên cứu điều chế viên nén phân tán trong miệng chứa sildenafil 50 mg	5		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			19(3), 197-203	06/2015
6	Nghiên cứu điều chế vi hạt domperidon bằng phương pháp đun tạo cầu	5		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			19(3), 204-210	06/2015
7	Điều chế viên bao metronidazol 250 mg giải phóng tại kết tràng	5		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			19(3), 211-217	06/2015
8	Nghiên cứu bào chế pellet mesalazin phóng thích tại đại tràng	5		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			20(2), 226-232	02/2016
9	Nghiên cứu điều chế bột hòa tan từ cao chiết lá	6		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh			20(2), 270-277	02/2016

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i> Lam.) bằng kỹ thuật phun sấy			(Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)				
	Báo cáo khoa học Quốc tế							
10	Formulation of isosorbide mononitrate 60 mg sustained release tablet	4		Indochina conference on pharmaceutical sciences, 6th	Proceeding		321-325	12/2009
11	Preparation and evaluation of tadalafil solid dispersion	4		Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, 8th	Proceeding		382-386	12/2013
12	Application of lean production in film coated tablet manufacturing process: A case study	4		Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, 8th	Proceeding		409-414	12/2013
13	Development of stable film coated tablet containing perindopril erbumine and indapamide at low strength	4	TGLL	Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, 8th	Proceeding		476-481	12/2013
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học Quốc tế							
14	Modulation of protein release from penta- block copolymer microspheres	7	TGĐĐ	European Journal of Pharmaceutics and Biopharmaceutics (Print ISSN: 0939-6411; Online ISSN: 1873-3441)	SCIE (Q1, IF = 4.3)	6	152, 175-182	07/2020 (DOI: 10.1016/j.ej pb.2020.05. 009)
15	Preparation of sustained release naproxen sodium loaded microcapsules from alginate and chitosan through experimental design	7	TGĐĐ TGLL	Pharmaceutical Sciences Asia (Online ISSN 2586-8470)	Scopus (Q3, CiteScore = 1.0)	1	52(1), 44-54	01/2025 (DOI: 10.29090/ps a.2025.01.2 4.ab0701)
16	Optimization of extraction paramaters and antihyperglycemic assessment of standardized extract	9	TGLL	Pharmacological Research - Modern Chinese Medicine (Online ISSN: 2667-1425)	Scopus (Q2, CiteScore = 3.4)	1	14, 100577	01/2025 (DOI: 10.1016/j.pr mcm.2025.1 00577)

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	from <i>Santalum album</i> L. leaves							
17	Development and validation of an HPLC- MS/MS method for the simultaneous quantification of vitexin and isovitexin in rabbit plasma: Pharmacokinetic insights on a microcapsule formulation	12	TGLL	Molecules (Online ISSN 1420-3049)	SCIE (Q1, IF = 4.6)		30(8), 1690	04/2025 (DOI: 10.3390/mol ecules30081 690)
18	Isolation and assessment of <i>Sterculia foetida</i> gum as a pharmaceutical gelling agent	6	TGĐĐ	Tropical Journal of Natural Product Research (ISSN 2616-0684 (Print); ISSN 2616-0692 (Electronic))	Scopus (Q3, CiteScore = 1.6)		9(4), 1584 - 1591	05/2025 (DOI: 10.26538/tjn pr/v9i4.30)
19	Optimization of Controlled-release microspheres containing vitexin and isovitexin through experimental design and evaluation of their hypoglycemic effects	9	TGLL	Pharmaceutics (eISSN: 1999-4923)	SCIE (Q1, IF = 5.5)		17(7), 819	06/2025 (DOI: 10.3390/pha rmaceutics1 7070819)
Bài báo khoa học trong nước								
20	Nghiên cứu điều chế vi hạt chứa itraconazole có độ hòa tan cao	5		Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			22(1), 374-379	03/2018
21	Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần công thức đến xu hướng dính chày trong quá trình dập viên nén	6	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			524, 8-13	12/2019
22	Nghiên cứu bào chế viên bao phim phóng thích kéo dài hai pha chứa diltiazem hydroclorid	4	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			526, 29-32	02/2020
23	Nghiên cứu độc tính cấp và tác dụng hạ glucose huyết của cao chiết Lan	8	TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học)			2, 157-161	09/2020

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	kim tuyến trên mô hình chuột đái tháo đường típ 2			(ISSN: 2734-9209)				
24	Nghiên cứu bào chế vi cầu metformin hydroclorid giải phóng kéo dài bằng phương pháp bốc hơi dung môi từ nhũ tương	3	TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			6, 40-44	10/2020
25	Nghiên cứu bào chế vi cầu natri alginat chứa bovine serum albumin	4	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			15, 78-82	02/2021
26	Tối ưu hóa quy trình chiết acid oleanolic từ lá đỉnh lăng tại tỉnh Đắk Lắk	5		Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			15, 83-87	02/2021
27	Phân tích thực trạng đăng ký nguyên liệu làm thuốc trong nước tại Việt Nam giai đoạn 2009-2019	6	TGLL	Tạp chí Khoa học (Khoa học Y dược) (p-ISSN: 2615-9309; e-ISSN: 2588-1132)			37(1), 57-65	03/2021
28	Nghiên cứu thành phần và đặc tính màng phim tan nhanh trong miệng chứa clorpheniramin maleat 4 mg	5	TGĐĐ TGLL	Y Học Thành phố Hồ Chí Minh (B - Khoa học Dược) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			25(4), 84-92	04/2021
29	Nghiên cứu bào chế pellet venlafaxin giải phóng kéo dài bằng phương pháp bao bồi	4		Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			24, 38-44	07/2021
30	Ảnh hưởng của tính chất dược chất trong bào chế vi cầu tỷ lệ tải cao bằng phương pháp đùn - tạo cầu	3	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			26, 50-55	08/2021
31	Nghiên cứu bào chế vi cầu ibuprofen 50% với tá dược tạo cầu crospovidon	3	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			28, 30-35	09/2021
32	Nghiên cứu ảnh hưởng của kích thước hạt và lực nén viên đến tính chất bề mặt liên kết của viên nén hai lớp	4	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			31, 19-26	10/2021

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Nghiên cứu bào chế pellet chứa paracetamol 80% bằng tiếp cận thiết kế thực nghiệm	4	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Dược học (Dược học) (ISSN: 2734-9209)			34, 23-29	11/2021
34	Các thuộc tính của muối thảo dược ngâm chân đáp ứng kỳ vọng của người sử dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Một nghiên cứu mô tả cắt ngang	9	TGLL	Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			509(2), 54-59	12/2021
35	Nghiên cứu bào chế viên nén Itoprid hydroclorid 150 mg giải phóng kéo dài	3	TGĐĐ	Nghiên cứu dược và thông tin thuốc (ISSN: 1859-364X)			12(6), 18-25	12/2021
36	Các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất vi cầu xốp điều chế bằng phương pháp bốc hơi dung môi: một nghiên cứu theo thiết kế thực nghiệm	3	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			510(1), 84-89	01/2022
37	Sự ảnh hưởng của kích thước và tỉ lệ tải trên sự giải phóng dược chất của vi cầu xốp chứa metronidazol	3	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			510(1), 169-174	01/2022
38	Bào chế kháng sinh dùng cho trẻ em chứa cefepodoxim 100 mg dạng viên nén rã nhanh bằng phương pháp tạo hạt khô trực lẫn	6	TGLL	Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			537 (1B), 199-203	04/2024
39	Ứng dụng tá dược đồng sản xuất trong bào chế viên phân tán trong miệng dùng cho trẻ em chứa kháng sinh cefixim 100 mg	3	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			537 (1B), 312-316	04/2024
40	Ảnh hưởng của thành phần công thức trên tính chất hạt và viên nén chứa meloxicam hàm lượng thấp điều chế	5	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (Dược học) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			27(1), 20-28	05/2024

T T	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính*	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)**	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bằng kỹ thuật tạo hạt tàng sôi							
41	UHPLC-UV method validation for simultaneous quantification of vitexin and isovitexin from <i>Santalum album</i> L. leaves	3		Hue University Journal of Science: Natural Science (pISSN: 1859-1388; eISSN 2615-9678)			133 (1B), 89-99	06/2024
42	Ảnh hưởng của khối lượng mỗi lớp và hình dạng viên đến tính chất bề mặt liên kết của viên nén hai lớp	5	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (Dược học) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			27(1), 38-44	06/2024
43	Nghiên cứu bào chế viên nén chứa olmesartan bằng phương pháp tạo hệ phân tán rắn kết hợp chất hấp phụ	5	TGLL	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (Dược học) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			27(2), 24-31	07/2024
44	Điều chế vi cầu cefditoren pivoxil bằng kỹ thuật bay hơi dung môi	7		Nghiên cứu dược và thông tin thuốc (p-ISSN: 1859-364X; e-ISSN: 3030-4474)			18, 30-38	07/2024
45	Ảnh hưởng của thành phần công thức và thông số kỹ thuật tạo hạt trực lăn trên tính chất hạt và viên nén metformin tỷ lệ tải cao	6	TGLL	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (Dược học) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			27(3), 36-47	09/2024
46	Nghiên cứu điều chế vi cầu chứa bovine serum albumin từ alginat và chitosan	4	TGĐĐ TGLL	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ Việt Nam (Bản B) (p-ISSN: 1859-4794; e-ISSN: 2615-9929)			66 (11), 29-36	11/2024
47	Đánh giá tiềm năng của một số tá dược vô cơ trong thay thế titan dioxyd trong thành phần dịch bao phim chứa hydroxypropyl methylcellulose	7	TGLL	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (Dược học) (Print ISSN 1859-1779; Online ISSN 2615-9139)			27(6), 12-21	12/2024

-	-	-	-	-	-	-	-
---	---	---	---	---	---	---	---

- **Trong đó:** số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 00

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giải pháp hữu ích: Quy trình chiết cao dược liệu, cao dược liệu và muối thảo dược ngâm chân chứa cao dược liệu này (Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số: 3830)	Bộ Khoa học Công nghệ (Cục Sở hữu trí tuệ)	31/10/2024	Tác giả chính	02
2	Độc quyền sáng chế	-	-	-	-

- **Trong đó:** số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): **01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích [1]**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDDT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
-	-	-	-	-	-

- **Trong đó:** số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 00

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc	Tham gia (ủy viên thư ký)	Quyết định số 3290/QĐ-ĐHYD ngày 30/08/2023 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc	Đại học Y Dược TPHCM	https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/SauDaiHoc/ChuongTrinhDaoTaoThacSi2019/3_CNDP-BCT_2024.pdf	Áp dụng từ năm học 2024 - 2025

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
2	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Công nghệ Dược phẩm và Bảo chế thuốc	Tham gia (ủy viên thư ký)	Quyết định số 3304/QĐ-ĐHYD ngày 30/08/2023 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Công nghệ Dược phẩm và Bảo chế thuốc	Đại học Y Dược TPHCM	https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/SauDaiHoc/ChươngTrinhDaoTaoThacSi2019/3_CNDP-BCT_2024.pdf	Áp dụng từ năm học 2024 - 2025
3	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Công nghệ Dược phẩm và Bảo chế thuốc	Tham gia (ủy viên thư ký)	Quyết định 2628/QĐ-ĐHYD ngày 04/08/2023 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Công nghệ Dược phẩm và Bảo chế thuốc	Đại học Y Dược TPHCM	https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/SauDaiHoc/ThongBao/QUY/Khung%20CT%20CKI%20từ%20năm%202024/CN%20dược.pdf	Áp dụng từ năm học 2024 - 2025

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Các tiêu chuẩn đều đủ theo quy định

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Minh Quân